

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **246/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 08/7/2020

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Phong Phi**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông **Lê Văn Phu**

Bà **Nguyễn Thị Tuyết Ái**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Đỗ Ngọc Mai Thy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Ngọc Trà Mi**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú. Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 273/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm: 1968.

**- Bị đơn:** Ông **Võ Văn D**, sinh năm: 1967.

Cùng cư trú: Tổ 13, ấp Đồng Ky, xã Quốc Thái, huyện An Phú, An Giang.

(Bà K có mặt; ông D có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Bà Nguyễn Thị K nộp đơn xin ly hôn với ông Võ Văn D với nội dung như sau:

Hôn nhân giữa ông, bà được hình thành là do thông qua mai mối rồi được cha mẹ hai bên định đoạt đứng ra tổ chức đám cưới vào năm 1990, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung thời gian đầu tương đối hạnh phúc và phát sinh mâu thuẫn từ vài năm trở lại đây. Nguyên nhân là do hai

người bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, ông D không chăm lo cuộc sống gia đình mà thường xuyên kiểm chuyện gây cãi với bà. Hai người ly thân nhau từ đó. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông D.

Trong quá trình chung sống hai người có một con chung tên Võ Thị Lan, sinh năm 1990, hiện đã trưởng thành.

Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận; Nợ chung: Không có, cũng không ai nợ lại ông bà.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông D theo quy định nhưng ông D vẫn không có mặt theo văn bản triệu tập của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân giữa bà K và ông D để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, bà K bảo lưu ý kiến của mình. Riêng ông D có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bà K và ông D có mâu thuẫn vợ chồng và không thể hàn gắn được do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[ 1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông D có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh ghi nhận lời khai của ông D, được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của ông D không gây trở ngại cho việc xét xử; Căn cứ khoản 05 Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa hai người hình thành là do mai mối, được cha mẹ hai bên đứng ra tổ chức đám cưới và theo trình bày của bà K từ trước đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo giấy xác nhận tình trạng của Ủy ban nhân dân xã Quốc Thái, huyện An Phú ngày 04/5/2020, do đó không được xem là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc

nhưng thời gian sau phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau. Nay bà K xin ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được: Tại biên bản ghi nhận lời khai của ông Võ Văn D ngày 18/6/2020 thể hiện trình bày của ông như sau: Hôn nhân giữa ông và bà K hình thành là do mai mối và được cha mẹ đứng ra tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Hai người chỉ phát sinh mâu thuẫn cách nay hơn hai năm. Nguyên nhân là do bà K hay đi sớm về muộn, đi suốt ông không kiểm soát được vợ mình. Nên vợ chồng không hạnh phúc nữa. Hai người có một con chung tên võ Thị Lan đã trưởng thành. Về tài sản chung ông thống nhất tự thỏa thuận, nợ chung thì không có. Nay bà K xin ly hôn với ông, ông không đồng ý ly hôn.

Ông xác định hiện nay vẫn hộ khẩu thường trú tại ấp đồng Ky, xã Quốc Thái, huyện An Phú và đứng tên chủ hộ, chưa chuyển đi nơi khác.

Xét nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ngay từ ban đầu là bất đồng nhau trong cách sống, lẽ ra hai bên tự tìm cách hóa giải để tạo điều kiện cho cuộc sống hạnh phúc. Hiện tại bà K xác định là không còn tình cảm với ông D và mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng không có tiếng nói chung không thể tiếp tục chung sống với nhau. Ngược lại cả hai cùng bỏ mặc nhau, không quan tâm.

Tuy nhiên đến nay cả hai vẫn chưa đăng ký kết hôn, Tòa án Quyết định áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố: Không công nhận bà K và ông D là quan hệ vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Bà K và ông D khai có một con chung đã trưởng thành, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Bà K và ông D thống nhất tự thỏa thuận.

Nợ chung: Bà K và ông D khai không có.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của bà K được chấp nhận nên bà phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông D không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 53, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K.

Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị K và ông Võ Văn D là quan hệ vợ chồng.

Về án phí: Bà K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001046 ngày 12/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà K đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/7/2020) Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt được tính từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (2);
- Chi cục THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã nơi kết hôn (1);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng (1).
- Lưu hồ sơ (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Phong Phi**